TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST Ngày: 05 - 6 - 2024 V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ, TỈNH LÀO CAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Vũ Thị Thoa
2. Bà Trần Thị Xuân.

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Bích Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Hoàng Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2024/TLST- HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024.

1. Nguyên đơn: Anh Sùng Seo C, năm sinh 1974
Địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện B1, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.
2. Bị đơn: Chị Thào Thị C, năm sinh 1977
Địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện B1, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Sùng Seo C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Sùng Seo C và chị Thào Thị C chung sống với nhau từ năm 1992, đến ngày 30/4/2002 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B1, việc chung sống và kết hôn của anh chị là tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị C không biết yêu thương, lắng nghe, thiếu tâm lý và chia sẻ với anh khiến cuộc hôn nhân rơi vào bế tắc, quan hệ vợ chồng trở nên mờ nhạt, vì chán nản nên anh cũng đi ra bên ngoài và quan hệ với người phụ nữ khác, từ đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, năm 2023 anh đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị C, được gia đình khuyên giải và

do vẫn còn tình nghĩa vợ chồng nên anh đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, nhưng khi về chung sống anh chị vẫn bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không cải thiện được, hiện anh và chị C đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Nay tình cảm giữa anh và chị C không còn, mục đích hôn nhân không đạt được anh C yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Thào Thị C.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống anh Sùng Seo C và chị Thào Thị C có 03 con chung, là cháu Sùng Thị D, sinh năm 1997; cháu Sùng Seo N, sinh năm 1998 và cháu Sùng Hải A, sinh ngày 31/01/2020, các cháu khoẻ mạnh và phát triển bình thường, hiện nay cháu A đang ở với chị C. Sau khi ly hôn anh C yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu D và cháu N đã đủ 18 tuổi, các cháu khoẻ mạnh và phát triển bình thường nên anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh và chị C đều làm nghề tự do và trồng trọt thêm tại địa phương, thu nhập một tháng khoảng 3.000.000 đồng, anh chị có nhà riêng tại thôn X, xã B, huyện B1.

2. Đề nghị của bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Thào Thị C hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của anh C về điều kiện kết hôn và hoàn cảnh chung sống giữa anh C và chị. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C có quan hệ với người khác từ đó anh C không thường xuyên ở nhà, mà cứ đi lại với người phụ nữ kia, chị tham gia thì anh C không thay đổi, dẫn đến vợ chồng có xảy ra cãi chửi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Mâu thuẫn của anh chị vẫn có thể khắc phục được, tình cảm của chị với anh C vẫn còn, chị không nhất trí ly hôn anh C, muốn anh C về chung sống cùng chị để nuôi dưỡng con chung.

- Về con chung: Chị C nhất trí với anh C trình bày về con chung, nếu phải ly hôn chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Acho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu D và cháu N hiện đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

+Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

+Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo các Điều 70, 71,72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho anh Sùng Seo C được ly hôn với chị Thào Thị C.

+ Về con chung: Giao chị Thào Thị C được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Sùng Hải A, sinh ngày 31/01/2020 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Sùng Seo C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản: Không đề cập giải quyết.

+ Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo qui định của Pháp luật.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án các đương sự đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khởi kiện, thụ lý vụ án, thủ tục hòa giải, chuẩn bị xét xử. Sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì các đương sự đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Sùng Seo C và chị Thào Thị C là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị Chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hòa hợp, bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không hiểu và chia sẻ với nhau nên dẫn ra mâu thuẫn, không còn tìm được tiếng nói chung, năm 2023 anh C đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị C, sau đó anh đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, nhưng khi về chung sống anh chị vẫn bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không cải thiện được, hiện anh chị đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Anh C xác nhận tình cảm vợ chồng giữa anh và chị C không còn nên anh đề nghị ly hôn để mỗi người có cuộc sống riêng; chị C thừa nhận vợ chồng chị có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân , không còn quan tâm đến nhau, nhưng tình cảm của chị với anh C vẫn còn, chị không nhất trí ly hôn, muốn anh C về chung sống cùng chị để nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa anh C và chị C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh C yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị C là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận. Quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị C chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống anh Sùng Seo C và chị Thào Thị C có 03 con chung: Cháu Sùng Thị D, sinh năm 1997; cháu Sùng Seo N, sinh năm 1998 và cháu Sùng Hải A, sinh ngày 31/01/2020, các

cháu khoẻ mạnh và phát triển bình thường. Sau khi ly hôn anh C và chị Chu đều đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được nuôi dưỡng cháu A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung; đối với cháu D và cháu N đã trưởng thành, các cháu khoẻ mạnh và phát triển bình thường nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét về khả năng và điều kiện kinh tế, cũng như căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, thì chị C và anh C đều có điều kiện nuôi dưỡng con chung, nhưng do hiện nay cháu A còn nhỏ, từ khi anh chị sống ly thân cháu A vẫn đang ở cùng chị C, để ổn định việc sinh hoạt và hoc tập của cháu, nên cần giao cho chị C được nuôi dưỡng cháu A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với khoản 1,2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Sùng Seo C và chị Thào Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung . Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Anh Sùng Seo C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Sùng Seo C và chị Thào Thị C. Quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị C chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Sùng Hải A, sinh ngày 31/01/2020 cho chị Thào Thị C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Anh Sùng Seo C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

3. Về nghĩa vụ chịu án phí: Anh Sùng Seo C phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001357 ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai. Anh C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện B (2);
- CCTHADS huyện Bắc Hà;
- UBND xã B;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thu Hương